



**Công ty Cổ phần Thủy điện
A Vương**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh/
Doanh nghiệp số**

3303070337

ngày 20 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4000478435 ngày 8 tháng 5 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Việt Hưng

Chủ tịch

(từ ngày 20 tháng 7 năm 2020)

Ông Nguyễn Trâm

Chủ tịch

(đến ngày 30 tháng 6 năm 2020)

Ông Cao Huy Bảo

Thành viên

Ông Lưu Ngọc Mai Phi

Thành viên

(từ ngày 1 tháng 7 năm 2020)

Ông Nguyễn Đình Phúc

Thành viên

(đến ngày 30 tháng 6 năm 2020)

Ông Nguyễn Trọng Oánh

Thành viên

Ông Đoàn Ngọc Nam

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thiện

Trưởng ban

Ông Đoàn Trung Thông

Thành viên

(từ ngày 1 tháng 7 năm 2020)

Ông Phan Công Tuyển

Thành viên

(đến ngày 30 tháng 6 năm 2020)

Ông Nguyễn Phước Lễ

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Cao Huy Bảo

Tổng Giám đốc

Ông Ngô Xuân Thế

Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Cao Huy Bảo

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Thôn Dung, Thị trấn Thạnh Mỹ

Huyện Nam Giang

Tỉnh Quảng Nam

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:



- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tôi, Cao Huy Bảo, Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương, phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



Cao Huy Bảo
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, Ngày 11 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3(i) của báo cáo tài chính giữa niên độ trong đó có đề cập đến việc Công ty ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp nhận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

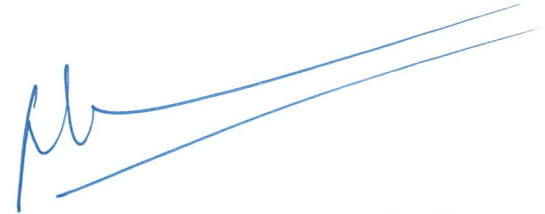
Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán theo Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được trình bày tại Thuyết minh 3(i) của báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết luận của chúng tôi không ngoại trừ vấn đề này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo Soát xét số: 20-01-00344-20-1



Trần Thị Lệ Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số N.3782-2017-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		166.728.308.681	153.291.567.457
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	82.724.643.859	101.141.438.178
Tiền	111		6.598.417.576	2.150.692.140
Các khoản tương đương tiền	112		76.126.226.283	98.990.746.038
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	6.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.371.350.843	33.207.520.583
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	54.548.382.825	28.520.596.166
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.568.912.106	3.837.897.344
Phải thu ngắn hạn khác	136		4.289.079.305	1.201.550.466
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(35.023.393)	(352.523.393)
Hàng tồn kho	140	9	17.632.313.979	9.037.091.940
Hàng tồn kho	141		17.632.313.979	9.037.091.940
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	4.905.516.756
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	4.905.516.756
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.222.730.624.463	1.254.387.671.463
Tài sản cố định	220		1.145.362.157.468	1.170.962.413.406
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.063.345.298.948	1.088.939.480.923
Nguyên giá	222		3.292.551.328.310	3.279.332.153.765
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.229.206.029.362)	(2.190.392.672.842)
Tài sản cố định vô hình	227	11	82.016.858.520	82.022.932.483
Nguyên giá	228		82.661.382.235	82.661.382.235
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(644.523.715)	(638.449.752)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.746.951.142	7.489.072.317
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.746.951.142	7.489.072.317
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	62.485.157.625	66.164.503.765
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		79.800.000.000	79.800.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(17.314.842.375)	(13.635.496.235)
Tài sản dài hạn khác	260		11.136.358.228	9.771.681.975
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	14	11.136.358.228	9.771.681.975
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.389.458.933.144	1.407.679.238.920

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

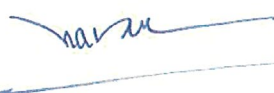
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		263.244.337.456	181.882.585.928
Nợ ngắn hạn	310		263.244.337.456	181.882.585.928
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	4.553.562.939	5.977.059.413
Người mua trả tiền trước	312		4.320.575.117	1.937.825.812
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	11.673.921.435	7.332.991.760
Phải trả người lao động	314		10.874.525.800	11.505.636.326
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	11.565.303.837	7.236.018.970
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	81.319.383.368	6.656.384.048
Vay ngắn hạn	320	19	132.969.864.120	132.969.864.120
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		489.081.065	286.032.303
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	5.478.119.775	7.980.773.176
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.126.214.595.688	1.225.796.652.992
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.126.214.595.688	1.225.796.652.992
Vốn cổ phần	411	22	750.520.520.000	750.520.520.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.520.520.000	750.520.520.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		28.970.201.097	28.970.201.097
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	41.787.735.863	41.787.735.863
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		304.936.138.728	404.518.196.032
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		322.278.019.532	374.599.311.249
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ/năm này	421b		(17.341.880.804)	29.918.884.783
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.389.458.933.144	1.407.679.238.920

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Dương Thị Hồng Vân
Kế toán viên

Người duyệt:



Nguyễn Đình Phúc
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	94.601.149.566	120.248.094.991
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	95.825.994.075	101.682.619.447
(Lỗ)/lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		(1.224.844.509)	18.565.475.544
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.626.085.216	4.933.559.984
Chi phí tài chính	22	29	9.156.199.599	10.067.050.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.395.441.875	10.067.050.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	9.204.219.522	12.258.718.177
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		(17.959.178.414)	1.173.267.351
Thu nhập khác	31		633.756.097	356.117.187
Chi phí khác	32		16.458.487	4.034.415
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		617.297.610	352.082.772
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(17.341.880.804)	1.525.350.123
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	76.267.506
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(17.341.880.804)	1.449.082.617
(Lỗ)/lãi trên cổ phiếu				
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(231)	19

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Dương Thị Hồng Vân
Kế toán viên

Người duyệt:



Nguyễn Đình Phúc
Kế toán trưởng



Cao Huy Bảo
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(17.341.880.804)	1.525.350.123
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	40.731.437.443	41.259.149.182
Các khoản dự phòng	03	3.564.894.902	281.251.201
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(1.626.085.216)	(4.933.559.984)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(600.080.383)	(132.222.999)
Chi phí lãi vay	06	5.395.441.875	10.067.050.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	30.123.727.817	48.067.017.523
Biến động các khoản phải thu	09	(27.289.725.622)	(53.117.172.550)
Biến động hàng tồn kho	10	(9.959.898.292)	1.478.244.541
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	10.207.194.480	(6.819.868.119)
Biến động chi phí trả trước	12	4.905.516.756	264.155.400
		7.986.815.139	(10.127.623.205)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.643.234.028)	(16.969.622.817)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(330.330.096)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.980.000	13.120.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.582.706.295)	(4.372.885.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.566.475.280)	(31.457.011.022)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15.519.880.000)	(10.807.180.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	877.727.272	132.222.999
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.000.000.000)	-
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	23	-	50.240.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.791.833.689	6.883.413.395
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.850.319.039)	46.448.456.394

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

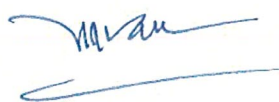
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả cổ tức	36	-	(111.196.034.589)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(111.196.034.589)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(18.416.794.319)	(96.204.589.217)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	101.141.438.178	186.800.042.412
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 6)	70	82.724.643.859	90.595.453.195

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Dương Thị Hồng Vân
Kế toán viên

Người duyệt:



Nguyễn Đình Phúc
Kế toán trưởng



Cao Huy Bảo
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 8 tháng 1 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là AVC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (thủy điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 152 nhân viên (1/1/2020: 156 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ Kế toán EVN so với hướng dẫn của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được trình bày trong Thuyết minh 3(i).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	9 - 10 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7 năm
▪ tài sản khác	4 - 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Theo Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được phê duyệt bởi Tập đoàn Điện lực Việt Nam và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Nếu Công ty ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn theo hướng dẫn của VAS 18 thì các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 sẽ cùng giảm số tiền là 3.414.047.142 VND (1/1/2020: các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả ngắn hạn” sẽ cùng giảm số tiền là 7.156.168.317 VND) (Thuyết minh 12 và Thuyết minh 17).

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thông thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án thủy điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án đi vào hoạt động thương mại.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện (“kinh doanh dịch vụ”). Trong kỳ, hoạt động kinh doanh dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó, thông tin doanh thu và chi phí bộ phận kinh doanh dịch vụ chỉ bao gồm thông tin doanh thu dịch vụ và chi phí dịch vụ được trình bày tại các Thuyết minh 26 và Thuyết minh 27. Các thông tin doanh thu và chi phí còn lại được trình bày từ Thuyết minh 26 đến Thuyết minh 30 và thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	695.838.618	24.986.997
Tiền gửi ngân hàng	5.902.578.958	2.125.705.143
Các khoản tương đương tiền	76.126.226.283	98.990.746.038
	82.724.643.859	101.141.438.178

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 4,25% đến 4,65% (1/1/2020: 4,50% đến 6,50%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản tương đương tiền không được dùng để thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng (1/1/2020: 20 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá một năm tại ngày báo cáo	6.000.000.000	5.000.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 5,1% đến 5,7% (1/1/2020: 6,0% đến 6,1%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 6 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng (1/1/2020: 5 tỷ VND).

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	37.264.671.030	13.165.163.163
Các khách hàng khác	17.283.711.795	15.355.433.003
	54.548.382.825	28.520.596.166

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	37.264.671.030	13.165.163.163
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	1.128.159.292	-
Công ty Thủy điện Sông Bung	401.209.762	191.615.247
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	357.217.395	-
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	356.546.650	723.446.000
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	160.160.000	160.160.000
Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung-TCT TTD QG	91.686.180	453.376.189

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	30/6/2020	1/1/2020
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Nguyên vật liệu	15.284.952.690	6.064.370.268
Công cụ, dụng cụ	756.339.117	5.920.200
Dịch vụ dở dang	1.591.022.172	2.966.801.472
	<hr/>	<hr/>
	17.632.313.979	9.037.091.940

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá	1.950.251.738.353	1.292.033.165.182	34.019.798.750	2.589.995.636	437.455.844	3.279.332.153.765
Số dư đầu kỳ	-	13.144.000.000	-	2.375.880.000	-	15.519.880.000
Tăng trong kỳ	-	-	(2.300.705.455)	-	-	(2.300.705.455)
Thanh lý trong kỳ						
Số dư cuối kỳ	1.950.251.738.353	1.305.177.165.182	31.719.093.295	4.965.875.636	437.455.844	3.292.551.328.310
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	878.467.204.554	1.276.879.334.194	32.101.300.664	2.507.377.586	437.455.844	2.190.392.672.842
Khấu hao trong kỳ	38.877.864.168	1.465.378.459	272.142.364	221.030.095	-	40.836.415.086
Thanh lý trong kỳ	-	-	(2.023.058.566)	-	-	(2.023.058.566)
Số dư cuối kỳ	917.345.068.722	1.278.344.712.653	30.350.384.462	2.728.407.681	437.455.844	2.229.206.029.362
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.071.784.533.799	15.153.830.988	1.918.498.086	82.618.050	-	1.088.939.480.923
Số dư cuối kỳ	1.032.906.669.631	26.832.452.529	1.368.708.833	2.237.467.955	-	1.063.345.298.948

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 1.323 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 1.321 tỷ VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020, tài sản cố định hữu hình của Dự án A Vương có nguyên giá là 57 tỷ VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	82.503.102.235	158.280.000	82.661.382.235
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	575.263.087	63.186.665	638.449.752
Khấu hao trong kỳ	24.935.664	26.380.002	51.315.666
Điều chỉnh khác	-	(45.241.703)	(45.241.703)
Số dư cuối kỳ	600.198.751	44.324.964	644.523.715
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	81.927.839.148	95.093.335	82.022.932.483
Số dư cuối kỳ	81.902.903.484	113.955.036	82.016.858.520

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.489.072.317	16.965.430.814
Tăng trong kỳ	1.227.315.959	9.753.086.638
Giá trị các công trình sửa chữa lớn được quyết toán	(4.969.437.134)	(15.095.950.623)
	3.746.951.142	11.622.566.829

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn Nhà máy Thủy điện A Vương đã phát sinh nhưng chưa được quyết toán (Thuyết minh 3(i))	3.414.047.142	7.156.168.317
Trụ sở điều hành Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	332.904.000	332.904.000
	3.746.951.142	7.489.072.317

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2020		1/1/2020	
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	12,91%	79.800.000.000 (*)	(17.314.842.375)	(*)
		79.800.000.000	(13.635.496.235)	(*)

Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4000455251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24 tháng 1 năm 2007. Hoạt động chính của công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	13.635.496.235	6.898.480.851
Trích lập dự phòng trong kỳ	3.679.346.140	-
Số dư cuối kỳ	17.314.842.375	6.898.480.851

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2020 Giá gốc VND	1/1/2020 Giá gốc VND
Công cụ và dụng cụ	11.136.358.228	9.771.681.975

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”)	1.502.685.294	-
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	574.646.116	574.646.116
Công ty Cổ phần Phát triển Quảng Nam	572.909.849	2.627.703.996
Các nhà cung cấp khác	1.903.321.680	2.774.709.301
	<u>4.553.562.939</u>	<u>5.977.059.413</u>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) – công ty mẹ cấp cao nhất	1.502.685.294	-
Công ty Thủy điện Sông Bung	27.482.717	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	-	59.437.011

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp/cán trừ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.151.823.104	6.008.384.172	(7.574.036.906)	2.586.170.370
Thuế thu nhập doanh nghiệp	330.330.096	-	(330.330.096)	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.332.840	2.236.278.336	(2.031.465.288)	212.145.888
Thuế tài nguyên	-	11.184.713.567	(6.490.130.462)	4.694.583.105
Thuế bảo vệ môi trường	2.843.505.720	4.319.256.060	(2.981.739.708)	4.181.022.072
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	2.221.404.000	(2.221.404.000)	-
Thuế khác	-	407.088.918	(407.088.918)	-
	7.332.991.760	26.377.125.053	(22.036.195.378)	11.673.921.435

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí sửa chữa lớn (i)	8.813.095.990	7.156.168.317
Chi phí lãi vay	2.752.207.847	-
Chi phí khác	-	79.850.653
	11.565.303.837	7.236.018.970

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, số dư này bao gồm chi phí của các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh thực tế trong kỳ nhưng chưa được quyết toán tại thời điểm cuối kỳ với số tiền là 3.414.047.142 VND (1/1/2020: 7.156.168.317 VND) (Thuyết minh 3(i)).

18. Phải trả ngắn hạn khác

(a) Phải trả khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	75.060.724.455	8.672.455
Phải trả lãi vay cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.550.032.399	5.550.032.399
Kinh phí công đoàn	-	27.890.952
Các khoản phải trả khác	708.626.514	1.069.788.242
	81.319.383.368	6.656.384.048

(b) Phải trả khác cho bên liên quan

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả lãi vay cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) – công ty mẹ cấp cao nhất	5.550.032.399	5.550.032.399

Khoản phải trả phi thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	Vay dài hạn đến hạn trả VND
Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 1/1/2020	132.969.864.120
Biến động trong kỳ	-
Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 30/6/2020	132.969.864.120

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Khoản vay từ các bên liên quan				
▪ Tập đoàn Điện lực Việt Nam				
- Khoản vay 1 (i)	VND	2020	57.469.864.120	57.469.864.120
▪ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên (ii)	VND	2020	75.500.000.000	75.500.000.000
			132.969.864.120	132.969.864.120

- (i) Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hình thành từ khoản vay có nguyên giá là 57 tỷ VND (Thuyết minh 10), chịu lãi suất năm là lãi suất bình quân liên ngân hàng cộng tối đa 3,3% và phải hoàn trả sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân, là ngày 31 tháng 12 năm 2020.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 250 tỷ VND, chịu lãi suất năm là lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của 4 ngân hàng quốc doanh cộng 0,5% và phải hoàn trả sau 24 tháng kể từ ngày giải ngân, là ngày 9 tháng 12 năm 2020.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.980.773.176	8.656.864.517
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	7.188.124.500	9.784.020.383
Tiền khen thưởng từ các bên thứ ba	2.980.000	13.120.000
Chi phí khấu hao được phân bổ trong kỳ	(111.051.606)	(111.051.606)
Sử dụng trong kỳ	(9.582.706.295)	(4.372.885.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.478.119.775	13.970.068.294

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	750.520.520.000	28.811.921.097	29.882.450.295	509.024.975.200	1.318.239.866.592
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.449.082.617	1.449.082.617
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(112.578.078.000)	(112.578.078.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(9.784.020.383)	(9.784.020.383)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	12.063.565.568	(12.063.565.568)	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	750.520.520.000	28.811.921.097	41.946.015.863	376.048.393.866	1.197.326.850.826
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	28.469.802.166	28.469.802.166
Điều chuyển nguồn vốn	-	158.280.000	(158.280.000)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	750.520.520.000	28.970.201.097	41.787.735.863	404.518.196.032	1.225.796.652.992
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(17.341.880.804)	(17.341.880.804)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(75.052.052.000)	(75.052.052.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(7.188.124.500)	(7.188.124.500)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	750.520.520.000	28.970.201.097	41.787.735.863	304.936.138.728	1.126.214.595.688

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	75.052.052	750.520.520.000	75.052.052	750.520.520.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	75.052.052	750.520.520.000	75.052.052	750.520.520.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên Ông Đặng Thanh Bình	65.630.261	656.302.610.000	87,45%
Các cổ đông khác	3.875.657	38.756.570.000	5,16%
	75.052.052	750.520.520.000	100%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên, được thành lập tại Việt Nam.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 6 năm 2020, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 75.052.052.000 VND, tương ứng 1.000 VND/cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: phân phối khoản cổ tức 112.578.078.000 VND, tương ứng 1.500 VND/cổ phiếu) cho các cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động trong kỳ của quỹ đầu tư phát triển như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	41.787.735.863	29.882.450.295
Trích lập trong kỳ	-	12.063.565.568
Số dư cuối kỳ	41.787.735.863	41.946.015.863

25. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	2.032.128.000	1.185.408.000
Trong vòng hai đến năm năm	169.344.000	-
	2.201.472.000	1.185.408.000

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng doanh thu	80.987.468.536	105.258.810.389
▪ Bán điện	13.613.681.030	14.989.284.602
▪ Cung cấp dịch vụ	94.601.149.566	120.248.094.991

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Tổng giá vốn		
▪ Điện đã bán	82.450.846.401	87.059.106.228
▪ Dịch vụ đã cung cấp	13.375.147.674	14.623.513.219
	<hr/>	<hr/>
	95.825.994.075	101.682.619.447

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	1.626.085.216	4.933.559.984
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.395.441.875	10.067.050.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	3.679.346.140	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	81.411.584	-
	<hr/>	<hr/>
	9.156.199.599	10.067.050.000

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.190.509.338	5.559.943.707
Chi phí khấu hao và phân bổ	70.869.000	70.869.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.018.156.791	2.773.152.551
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(398.011.980)	-
Chi phí khác	2.322.696.373	3.854.752.919
	<u>9.204.219.522</u>	<u>12.258.718.177</u>

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.046.944.601	3.175.104.814
Chi phí nhân công và nhân viên	24.989.211.142	21.893.425.078
Chi phí khấu hao và phân bổ	40.731.437.443	41.259.149.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.097.045.638	2.763.693.569
Chi phí thuê tài nguyên, phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước và bảo vệ môi trường rừng	17.725.373.627	16.279.799.570
Chi phí khác	14.064.421.846	26.136.684.100
	<u>106.654.833.297</u>	<u>101.407.456.313</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	-	76.267.506
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	-	76.267.506

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(17.341.880.804)	1.525.350.123
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.734.188.080)	152.535.012
Ưu đãi thuế	-	(76.267.506)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.720.000	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.728.468.080	-
	-	76.267.506

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% đối với (lỗ)/lợi nhuận trước thuế cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm có doanh thu hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2023) và thuế suất thuế thu nhập thông thường cho những năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến năm 2021). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.

33. (Lãi)/lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận/(lỗ) thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) (Lãi)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
(Lãi)/lợi nhuận thuần trong kỳ	(17.341.880.804)	1.449.082.617
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
(Lãi)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(17.341.880.804)	1.449.082.617

(*) Công ty chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019. Nếu Công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 Cổ phiếu	30/6/2019 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	75.052.052	75.052.052
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6	75.052.052	75.052.052

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ	2.752.207.847	3.595.000.000
Mua điện	1.366.077.540	1.444.019.483
Trả lãi vay trong kỳ	-	10.497.572.817
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên		
Chia cổ tức	65.630.261.000	98.445.391.500
Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ	2.643.234.028	6.472.050.000
Chi phí thuê văn phòng	1.429.355.640	1.431.157.933
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Bán điện	80.987.468.536	105.258.810.389
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng		
Chi phí điện	88.820.097	73.513.787
Công ty Điện lực Quảng Nam		
Chi phí điện	109.140.875	80.892.672
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn		
Bán dịch vụ	5.805.459.478	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi		
Chia cổ tức	2.579.069.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1		
Bán dịch vụ	1.137.284.649	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bung		
Bán dịch vụ	533.321.968	-
Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Truyền tải điện		
Bán dịch vụ	53.831.169	-
Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung-TCT TTĐ QG		
Bán dịch vụ	2.227.565.504	-

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Công ty Thủy điện Sông Tranh		
Bán dịch vụ	59.669.670	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Trung		
Bán dịch vụ	140.623.636	-
Chi phí điện	137.719.160	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế		
Mua dịch vụ	21.818.182	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	195.000.000	195.000.000
Thành viên khác trong Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	292.500.000	292.500.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao	516.900.000	472.500.000



35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ số liệu trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Dương Thị Hồng Vân
 Kế toán viên

Người duyệt:

Nguyễn Đình Phúc
 Kế toán trưởng



Cao Huy Bảo
 Tổng Giám đốc